

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 406/TTr-STP ngày 12/3/2024 về việc đề nghị UBND tỉnh ký Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 tại Sở Văn hoá-Thể thao; Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam; Cục Thuế tỉnh và các Chi Cục Thuế; UBND các huyện: Hưng Nguyên, Quỳnh Hợp, thị xã Cửa Lò và các xã, phường trực thuộc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Văn hoá và Thể thao, Trưởng ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Hưng Nguyên, Quỳnh Hợp; Chủ tịch UBND thị xã Cửa Lò và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *km*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh;
- PCVP (NC) UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC (TP, Dũng).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC năm 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 27/3/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Xem xét, đánh giá khách quan thực trạng thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phát hiện những vấn đề còn bất cập, vướng mắc trong công tác xử lý vi phạm hành chính tại các đơn vị, địa phương nhằm kịp thời giải quyết hoặc tham mưu các cơ quan có thẩm quyền biện pháp giải quyết đối với những vấn đề còn bất cập, khó khăn.

- Kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; góp phần hạn chế các hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng các nguyên tắc, nội dung và hình thức kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 19/2020/NĐ-CP); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 118/2021/NĐ-

CP); Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (Thông tư 14/2021/TT-BTP).

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch và theo Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, THỜI HẠN VÀ NIÊN ĐỘ KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra

1.1. Đối với các sở, ngành cấp tỉnh:

- Kiểm tra Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt (Cục trưởng, Chi Cục trưởng, Đội trưởng) và người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế tại Cục Thuế, Chi Cục Thuế và Đội thuế trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt và người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính tại Sở Văn hóa và thể thao; Ban Quản lý khu Kinh tế Đông Nam.

1.2. Đối với UBND cấp huyện, cấp xã:

Kiểm tra Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt (Chủ tịch UBND) và người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: An ninh trật tự, hỗ trợ tư pháp, văn hóa, y tế, xây dựng, tài nguyên và môi trường tại UBND huyện và UBND cấp xã thuộc các huyện: Hưng Nguyên, Quỳnh Hợp và thị xã Cửa Lò.

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ:

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

R

- Tình hình, kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về giải trình;
- Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu nộp tiền phạt;
- Lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

2.2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ:

- Công tác chỉ đạo, điều hành;
- Việc xây dựng và tiến độ, kết quả triển khai kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- Công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ;
- Việc bố trí nguồn lực và các điều kiện khác để bảo đảm cho việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính
- Việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về xử lý vi phạm hành chính;
- Việc thực hiện trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật khác có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính

3. Địa điểm, thời gian, thời hạn và niên độ kiểm tra

3.1. Địa điểm kiểm tra: Tại trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị và địa phương được kiểm tra

3.2.. Thời gian kiểm tra: Từ 01/5/2024 đến tháng 30/10/2024 (Thời gian cụ thể đối với từng đối tượng, Đoàn kiểm tra sẽ thông báo trước 15 ngày làm việc tính từ thời điểm kiểm tra)

3.3. Thời hạn kiểm tra: Thực hiện theo khoản 3, Điều 13 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ (Không quá 07 ngày làm việc đối với 01 đơn vị được kiểm tra; trường hợp cần thiết thì người có thẩm quyền kiểm tra có thể gia hạn thêm không quá 07 ngày làm việc).

3.4. Niên độ kiểm tra: Từ 01/01/2021 đến 31/12/2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các biện pháp tổ chức thực hiện.

- Thành lập đoàn kiểm tra do đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm trưởng đoàn, đại diện lãnh đạo Phòng Văn bản và Quản lý, xử lý vi phạm hành chính làm Phó trưởng đoàn và đại diện các đơn vị liên quan làm thành viên.

12

- Thực hiện các trình tự, thủ tục kiểm tra theo các quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ và Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp.

2. Kinh phí thực hiện

Giao Sở Tư pháp chủ trì lập dự trù kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

3. Trách nhiệm thực hiện

3.1. Sở Tư pháp

- Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra; thông báo thành phần, thời gian, nội dung và yêu cầu của Đoàn kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị được kiểm tra thực hiện báo cáo để phục vụ công tác kiểm tra;

- Tổng hợp kết quả, chuẩn bị kết luận sau đợt kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả các đợt kiểm tra; đề xuất các giải pháp và nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành pháp luật về XLVPHC, đề xuất xử lý vi phạm (nếu có).

3.2. Đoàn kiểm tra:

- Quyền hạn: Yêu cầu đối tượng được kiểm tra trực tiếp làm việc hoặc cử người đại diện làm việc với đoàn kiểm tra; cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu đối tượng được kiểm tra cung cấp tang vật, phương tiện vi phạm phục vụ cho công tác xác minh; trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể tiến hành xác minh để làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Trách nhiệm: Tổ chức thực hiện kiểm tra theo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; báo cáo người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra và đề xuất phương án xử lý; sử dụng thông tin; sử dụng, bảo quản hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện có liên quan đến nội dung kiểm tra theo đúng quy định pháp luật; không làm hư hỏng hoặc thất thoát tài sản hợp pháp của đối tượng được kiểm tra; hoàn trả đầy đủ hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện do đối tượng được kiểm tra cung cấp.

3.3. Trưởng đoàn kiểm tra:

- Công bố Quyết định Đoàn kiểm tra đến đối tượng được kiểm tra;
- Thông báo cho đối tượng được kiểm tra về thành phần của đoàn kiểm tra;
- Tổ chức thực hiện kiểm tra theo đúng nội dung của quyết định kiểm tra;
- Phân công công việc cụ thể cho thành viên đoàn kiểm tra;

- Chịu trách nhiệm trước người đã ban hành quyết định kiểm tra và trước pháp luật về hoạt động của đoàn kiểm tra;

- Thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của người đã ban hành quyết định kiểm tra đối với những vấn đề, nội dung phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra;

- Lập, ký biên bản kiểm tra ngay sau khi kết thúc kiểm tra để ghi nhận kết quả kiểm tra;

- Ký ban hành kết luận kiểm tra và tổ chức việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối tượng được kiểm tra trong việc thực hiện kết luận kiểm tra trong trường hợp được người có thẩm quyền kiểm tra ủy quyền;

- Trưởng đoàn kiểm tra có thể ủy quyền cho phó trưởng đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của mình. Khi được trưởng đoàn kiểm tra ủy quyền thực hiện nhiệm vụ của trưởng đoàn kiểm tra, phó trưởng đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm trước trưởng đoàn kiểm tra, người đã ban hành quyết định kiểm tra và trước pháp luật về hoạt động của đoàn kiểm tra; thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3.4. Thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo sự phân công, điều hành của trưởng đoàn kiểm tra theo đúng nội dung của quyết định kiểm tra;

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công với trưởng đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của nội dung báo cáo hoặc đề xuất;

- Đề xuất với trưởng đoàn kiểm tra thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm hoạt động kiểm tra có hiệu quả, đúng pháp luật;

- Thực hiện quy định tại các điểm c và d, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ.

3.5. Đối tượng được kiểm tra:

- Quyền hạn: Được thông báo bằng văn bản về kế hoạch, quyết định kiểm tra; kiến nghị, giải trình về kết luận kiểm tra; khiếu nại đối với kết luận kiểm tra và các hành vi vi phạm hành chính của người có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về khiếu nại; tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về tố cáo; từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Trách nhiệm: Phối hợp và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung

Q

thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của đoàn kiểm tra trong kết luận kiểm tra; chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành; UBND các huyện, cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Kế hoạch này để triển khai thực hiện./.

D

2
2
2